

Số:120/2019/QĐST - DS

Đơn Dương, ngày 15 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 95 luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 181/2019/TLST - DS ngày 02 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:**Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)**; Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người được ủy quyền đại diện BIDV tham gia tố tụng theo quyết định số 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam: ông Phạm Xuân H, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương (được ủy quyền lại theo Điều 4 quyết định số 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016): ông Vũ Quý D, sinh năm: 1983; chức vụ: giám đốc Phòng giao dịch Đơn Dương; địa chỉ: 281 đường 2 tháng 4, thị trấn Thanh Mỹ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng theo văn bản ủy quyền số 705/UQ-BIDV.LĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019.

Bị đơn: bà **Phạm Thị M**, sinh năm: 1961; địa chỉ: 00 thôn HD, xã LL, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Phạm Thị M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 03/6/2019 là 1.035.890.411

đồng (một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng), trong đó nợ gốc 1.000.000.000đ và nợ lãi 35.890.411đ.

- Bà Phạm Thị M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi tính trên số nợ gốc kể từ ngày 04/6/2019 theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 930/2018/8536444/HĐTD ngày 27/4/2018 cho đến khi thực trả hết nợ.

- Trường hợp hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thì lãi suất mà các bên phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

- Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp bất động sản số 930/2016/8536444/HĐBĐ ngày 24/6/2016 đối với tài sản bảo đảm là 9.742 m² thuộc các thửa 272, 564, 599, 655, 705, 706, 711, 712, 713, 714, 759, 760, 761, 762, tờ bản đồ số 312g và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất tại xã Ka Đơn, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận QSD đất số L174471 để đảm bảo cho việc thi hành án về sau. Nếu tài sản đảm bảo không đủ để trả nợ thì bà Phạm Thị M phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán khoản nợ vay.

3. Về án phí: bà Phạm Thị M nhận chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 21.538.000 đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.538.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0011443 ngày 24/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương (do ông Vũ Quý Dương nộp tạm ứng án phí thay).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Tòa án tỉnh;*
- *VKS huyện;*
- *Các đương sự;*
- *THA DS.*
- *Lưu HS, AV*

THẨM PHÁN

Lê Đình Anh Vũ